

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1657 /UBND-VX
V/v triển khai thực hiện Nghị định số
361/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12
năm 2025 của Chính phủ quy định
về vị trí việc làm công chức

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 3 năm 2026

Kính gửi:

- Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố;
- Các cơ quan chuyên môn và cơ quan, tổ chức hành chính thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố;
- Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu.

Căn cứ Nghị định số 361/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm công chức;

Thực hiện Công văn số 1086/BNV-CCVC ngày 05 tháng 02 năm 2026 của Bộ Nội vụ về việc triển khai thực hiện Nghị định số 361/2025/NĐ-CP;

Xét đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 3433/TTr-SNV ngày 03 tháng 3 năm 2026 về triển khai thực hiện Nghị định số 361/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm công chức (*sau đây viết tắt là Nghị định số 361/2025/NĐ-CP của Chính phủ*);

Ủy ban nhân dân Thành phố đề nghị các cơ quan, tổ chức khẩn trương triển khai thực hiện xây dựng, phê duyệt vị trí việc làm như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG, MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Văn bản này áp dụng với cơ quan chuyên môn và tổ chức, cơ quan hành chính thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố; Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố; Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu (*sau đây viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã*).

2. Các cơ quan, đơn vị tuân thủ xây dựng vị trí việc làm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu của cơ quan, tổ chức và quy định pháp luật về vị trí việc làm công chức.

3. Đảm bảo khách quan, công khai, minh bạch và dân chủ trong công tác thẩm định, phê duyệt vị trí việc làm và quyết định tỷ lệ công chức bố trí theo vị trí việc làm.

4. Đảm bảo hoàn thành việc xây dựng, phê duyệt vị trí việc làm và quyết định tỷ lệ công chức bố trí theo vị trí việc làm đúng thời gian quy định.

5. Vị trí việc làm và tỷ lệ ngạch đối với cán bộ thuộc Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố; Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã; Ban Chỉ huy quân sự cấp xã thực hiện theo quy định riêng của cấp có thẩm quyền.

II. NỘI DUNG XÂY DỰNG VÀ PHÊ DUYỆT VỊ TRÍ VIỆC LÀM

1. Hồ sơ đề nghị phê duyệt vị trí việc làm

- Các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu (sau đây viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã) khẩn trương chỉ đạo hoàn chỉnh hồ sơ gửi về Sở Nội vụ thẩm định, gồm có:

(1) Tờ trình đề nghị phê duyệt vị trí việc làm và tỷ lệ công chức bố trí theo vị trí việc làm gồm các nội dung:

- Thực trạng về bộ máy, biên chế (được giao, bố trí theo vị trí việc làm), tỷ lệ ngạch công chức.

- Trình bày sơ lược về chức năng của cơ quan và các tổ chức trực thuộc.

- Phương án về vị trí việc làm và cơ cấu tỷ lệ ngạch.

- Kiến nghị, đề xuất (nếu có).

(Phần này ngoài các kiến nghị của đơn vị, đề nghị giải trình rõ cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn làm căn cứ đề xuất cấp có thẩm quyền phê duyệt các vị trí việc làm khác với quy định tại Nghị định số 361/2025/NĐ-CP của Chính phủ).

(2) Danh mục vị trí việc làm (kèm mẫu Phụ lục 1)

(3) Bản Mô tả và khung năng lực của từng vị trí việc làm

Thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 361/2025/NĐ-CP của Chính phủ và Hướng dẫn số 8582/HD-SNV ngày 07 tháng 11 năm 2025 của Sở Nội vụ (kèm mẫu Phụ lục 2).

(4) Đề xuất tỷ lệ công chức bố trí theo vị trí việc làm phù hợp quy định tại Điều 8 Nghị định số 361/2025/NĐ-CP của Chính phủ (kèm mẫu Phụ lục 3).

2. Cách xác định tỷ lệ công chức bố trí theo vị trí việc làm

Cách xác định tỷ lệ công chức bố trí theo vị trí việc làm (sau đây viết tắt là tỷ lệ ngạch công chức) thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 361/2025/NĐ-CP của Chính phủ, Công văn số 156/UBND-VX ngày 10 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố về số lượng cấp phó các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban

nhân dân cấp xã, số lượng cấp phó của phòng chuyên môn và tương đương, Trung tâm Phục vụ hành chính công thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã (sau đây viết tắt là Công văn số 156/UBND-VX của Ủy ban nhân dân Thành phố) và số lượng biên chế công chức được cấp có thẩm quyền giao. Trong đó:

2.1. Về tỷ lệ ngạch Chuyên viên cao cấp và tương đương

a) Thống nhất quy định tỷ lệ cấp phó người đứng đầu của cơ quan chuyên môn và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố bố trí vào ngạch Chuyên viên cao cấp và tương đương không vượt quá 50% tổng số lượng cấp phó người đứng đầu của từng cơ quan chuyên môn và tương đương đã được quy định tại Công văn số 156/UBND-VX của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Ví dụ trường hợp 1: Theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở A được bố trí không quá 06 Phó Giám đốc.

Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị định số 361/2025/NĐ-CP, tỷ lệ Phó Giám đốc được bố trí ngạch Chuyên viên cao cấp không quá 50% thì Sở A sẽ có không quá 03 Phó Giám đốc được bố trí giữ ngạch Chuyên viên cao cấp.

Ví dụ trường hợp 2: Theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở B được bố trí không quá 07 Phó Giám đốc.

Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị định số 361/2025/NĐ-CP, tỷ lệ Phó Giám đốc được bố trí ngạch Chuyên viên cao cấp không quá 50% thì Sở B sẽ có không quá 03 Phó Giám đốc được bố trí giữ ngạch Chuyên viên cao cấp.

b) Trong trường hợp do thực hiện công tác nhân sự theo quyết định của cấp có thẩm quyền dẫn đến tỷ lệ cấp phó người đứng đầu cơ quan chuyên môn và tương đương bố trí vào ngạch Chuyên viên cao cấp và tương đương của cơ quan chuyên môn và tương đương cao hơn tỷ lệ quy định tại Nghị định số 361/2025/NĐ-CP và văn bản này thì cơ quan, đơn vị báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố hoặc cơ quan được phân cấp, ủy quyền phê duyệt vị trí việc làm và quyết định tỷ lệ công chức theo vị trí việc làm để quyết định việc điều chỉnh tỷ lệ nhưng phải đảm bảo không được dẫn đến vượt quá tỷ lệ công chức bố trí vào ngạch Chuyên viên cao cấp và tương đương của toàn bộ cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định của Chính phủ tại Nghị định số 361/2025/NĐ-CP.

2.2. Về tỷ lệ ngạch Chuyên viên chính và tương đương, ngạch Chuyên viên và tương đương, ngạch Cán sự và tương đương, ngạch Nhân viên

Cơ quan chuyên môn và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố hoặc cơ quan được phân cấp, ủy quyền phê duyệt vị trí việc làm quyết định tỷ lệ

công chức bố trí theo vị trí việc làm đối với các ngạch còn lại (*Chuyên viên chính và tương đương, ngạch Chuyên viên và tương đương, ngạch Cán sự và tương đương, ngạch Nhân viên*) đảm bảo phù hợp theo quy định tại Nghị định số 361/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Về tiêu chuẩn ngạch công chức

Căn cứ Nghị định số 334/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn chức danh công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan hành chính nhà nước; Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư và Thông tư số 06/2022/TT-BNV ngày 26 tháng 8 năm 2026 của Bộ Nội vụ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, các cơ quan, đơn vị xây dựng bản mô tả và khung năng lực trong đó quy định rõ tiêu chuẩn ngạch công chức phù hợp quy định về vị trí việc làm của cơ quan, đơn vị.

Trong đó, việc xác định trình độ đào tạo phù hợp với vị trí việc làm, cơ quan, đơn vị được xác định như sau:

- Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định cụ thể về trình độ đào tạo trong tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ đối với ngạch công chức thì cơ quan, địa phương xác định trình độ đào tạo phù hợp với vị trí việc làm theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

- Trường hợp pháp luật chuyên ngành không quy định cụ thể về trình độ đào tạo trong tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ đối với ngạch công chức thì cơ quan, địa phương căn cứ vào bản mô tả công việc đảm nhận¹ theo nhu cầu của từng vị trí việc làm để xác định trình độ đào tạo cho phù hợp.

- Trường hợp một vị trí việc làm có thể bố trí nhiều chuyên ngành đào tạo phù hợp để thực hiện nhiệm vụ thì căn cứ chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị và điều kiện thực tiễn của địa phương (mức độ hiện đại hóa công sở, trang thiết bị, phương tiện làm việc, mức độ ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, vị trí địa lý, cơ cấu dân số, tốc độ phát triển kinh tế, mức độ đô thị hóa, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội...) để xác định các chuyên ngành đào tạo được ưu tiên.

4. Về thời gian thẩm định, trình phê duyệt

a) Gửi hồ sơ về Sở Nội vụ thẩm định

- **Chậm nhất ngày 30 tháng 03 năm 2026**, các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã gửi hồ sơ theo quy định về Sở Nội vụ để thẩm định.

¹ Công việc cụ thể trong bản mô tả vị trí việc làm

- Đối với hồ sơ cần điều chỉnh, bổ sung do chưa đảm bảo theo quy định, cơ quan, đơn vị hoàn chỉnh lại và gửi về Sở Nội vụ trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Nội vụ.

b) Thẩm định và phê duyệt vị trí việc làm

Căn cứ trách nhiệm quy định tại Điều 5 Nghị định này, Sở Nội vụ thẩm định, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt vị trí việc làm bao gồm: số lượng và tên vị trí việc làm, tỷ lệ ngạch công chức, bản mô tả và khung năng lực của từng vị trí việc làm (kèm mẫu Phụ lục 4).

Trong quá trình thực hiện, trường hợp có vướng mắc, các cơ quan chuyên môn và tương đương, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố (thông qua Sở Nội vụ) để xem xét, quyết định./.

(Đính kèm Phụ lục 1, 2, 3, 4)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTUB: CT, các PCT;
- Sở Nội vụ;
- VPUB: CVP, các PCVP;
- Các Phòng NCTH;
- Phòng VX, TTTTĐT, HCQT;
- Lưu: VT, (VX/KN).

(kèm Nghị định số 361/2025/NĐ-CP)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Mạnh Cường